

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN T2
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN T2

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn T2.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T2 tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 424, Lý Thái T, ấp Bến C, xã Phước T1, huyện Nhơn T2, Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Bến C, xã Phước T1, huyện Nhơn T2, Đồng Nai.

(Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2024 và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước T1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai vào năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, cuộc sống chung không hòa hợp, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân vô cùng buồn chán. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 17/8/2004 và Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 24/10/2008, ly hôn chị G có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu P, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con còn cháu M đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhon T2:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị G và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước T1, huyện Nhon T2, tỉnh Đồng Nai vào năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách, cuộc sống chung không hòa hợp, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân vô cùng buồn chán. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Do chị G và anh Q kết hôn vào năm 2004, khi kết hôn anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000. Nhận thấy, chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 17/8/2004 và Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 24/10/2008. Khi ly hôn, chị G đề nghị được nuôi con chung là cháu P, chị G không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu M đã trưởng thành. Xét việc chị G yêu cầu được nuôi con Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 24/10/2008 là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 58 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị G nuôi dưỡng, tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh Q.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm Q giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có địa chỉ ấp Bến C, xã Phước T1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn T2.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q thì thấy rằng: Chị G, anh Q kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước T1, huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai vào năm 2004 nên xác định hôn nhân giữa chị G, anh Q là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập làm việc, hòa giải nhưng anh Q không đến Tòa làm việc chứng tỏ việc anh Q bỏ mặc hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn xây dựng gia đình. Qua xác M tại UBND xã Phước T1 mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh Q địa P không nắm được, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nhơn T2 xét xử theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, vợ chồng chị G anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt. Do đó chấp nhận đơn xin ly hôn của chị G, xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 17/8/2004 và Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 24/10/2008, trường hợp ly hôn chị G đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu P, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu M đã trưởng thành. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị G thì thấy tại bản tự khai ngày 15 tháng 4 năm 2024, cháu Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 24/10/2008 cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển một cách tốt nhất thì cần tiếp tục giao cháu P cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu M đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị G là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 24/10/2008 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Nguyễn Nhật M đã trưởng thành, không xem xét giiar quyết.

Sau khi ly hôn chị G, anh Q vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Q có Q thăm nom con; không ai được cản trở anh Q thực hiện Q này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 001755 ngày 26/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai. Chị G đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn Q được Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận :**

- CCTHADS H. Nhơn T2;
- VKSND H. Nhơn T2;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước T1;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Lê Thị Ánh Sáng – Nguyễn Văn Ba

Nguyễn Văn Thành

